

QUY ĐỊNH
về thực hiện giao dịch điện tử
trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ các Luật của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, ngày 22/6/2023; Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29/6/2006; Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26/11/2011; Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19/11/2015; Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ngày 12/6/2018; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018;
- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;
- Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;
- Căn cứ Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, ngày 25/6/2024 của Chính phủ Quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ;
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, ngày 09/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng như sau :

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối

làm việc, nâng cao hiệu quả, chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cấp ủy và cơ quan, tổ chức đảng, thực hiện cải cách hành chính trong Đảng.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng, không áp dụng đối với hồ sơ thuộc danh mục tuyệt mật, hồ sơ bị hạn chế trong giao dịch điện tử theo quy định riêng của Đảng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các cơ quan, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở tham gia giao dịch điện tử.
3. Đảng viên tham gia thủ tục hành chính trong Đảng trên môi trường điện tử.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. Giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng: Là giao dịch điện tử giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống tổ chức của Đảng và giữa đảng viên với các cơ quan, tổ chức Đảng thông qua phương tiện điện tử hoạt động trên môi trường điện tử.
2. Chủ quản hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan, tổ chức đảng: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.
3. Chứng thư số: Là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp.
4. Giao dịch điện tử tự động: Là giao dịch điện tử được thực hiện tự động từng phần hoặc toàn bộ thông qua hệ thống thông tin đã được thiết lập sẵn.
5. Hủy hiệu lực của văn bản điện tử: Là biện pháp làm cho văn bản điện tử không còn giá trị sử dụng trên hệ thống thông tin.
6. Tiêu hủy văn bản điện tử: Là biện pháp làm cho văn bản điện tử không còn tồn tại trên hệ thống thông tin, không thể truy cập và tham chiếu đến thông tin đã được chứa trong văn bản điện tử

Điều 5. Nguyên tắc chung thực hiện giao dịch điện tử

1. Việc thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng phải phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử và của pháp luật liên quan, tuân thủ Quy định này và quy định khác có liên quan của Đảng.
2. Nội dung giao dịch phải tuân thủ các quy định liên quan của Đảng và Nhà nước.

Điều 6. Ứng dụng, phát triển và quản lý hoạt động giao dịch điện tử

1. Các cơ quan, tổ chức đảng và cán bộ, công chức, viên chức sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động của cơ quan mình; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ số đáp ứng yêu cầu phát triển giao dịch điện tử; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm phát triển và quản lý hoạt động các ứng dụng phục vụ giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.

3. Việc quản lý hoạt động giao dịch điện tử được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Quy định này. Các cơ quan đảng có trách nhiệm quản lý hoạt động giao dịch điện tử trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

II- CHỮ KÝ SỐ, DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ VÀ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 7. Về chữ ký số trong các cơ quan đảng

Chữ ký số sử dụng trong các cơ quan đảng là loại chữ ký điện tử an toàn, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Đảng và Nhà nước và do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ cấp.

Điều 8. Giá trị pháp lý của chữ ký số

1. Trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một văn bản điện tử được xem là đáp ứng nếu văn bản điện tử đó được ký bằng chữ ký số.

2. Chữ ký số của người có thẩm quyền được sử dụng để ký các văn bản điện tử mà người đó cần ký theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp văn bản cần được đóng dấu của cơ quan theo quy định của pháp luật thì yêu cầu đó được xem là đáp ứng nếu văn bản điện tử được ký bởi chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 9. Về tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Dịch vụ chứng thực chữ ký số trong các cơ quan đảng được cung cấp bởi Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì bảo đảm kỹ thuật thiết lập, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ phát triển trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan đảng trong việc sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Thực hiện trách nhiệm của "người quản lý thuê bao" đối với việc đăng ký, quản lý và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định.

2. Phối hợp bảo đảm kỹ thuật quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống chứng thực chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ phát triển trên mạng máy tính nội bộ của cơ quan mình.

Điều 11. Định danh điện tử

1. Mỗi cá nhân được cấp định danh điện tử thống nhất, gắn với phương thức xác thực được xác định bằng một trong các biện pháp xác thực quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 12 của Quy định này.

2. Mỗi cơ quan, tổ chức được cấp định danh điện tử thống nhất, gắn với chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

III- VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Điều 12. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử phải phù hợp với quy định của Đảng và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quản lý nhà nước. Hình thức thể hiện, việc khởi tạo, gửi, nhận văn bản điện tử và giá trị pháp lý của văn bản điện tử được thực hiện theo Luật giao dịch điện tử.

2. Văn bản điện tử có giá trị là bản gốc khi được thực hiện một trong các biện pháp sau:

a) Văn bản điện tử được ký số bởi cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo văn bản điện tử theo thẩm quyền được phân công.

b) Hệ thống thông tin có biện pháp bảo đảm toàn vẹn văn bản điện tử trong quá trình truyền gửi, nhận, lưu trữ trên hệ thống; có chức năng gắn, kiểm tra và lưu trữ dấu thời gian điện tử cho văn bản điện tử; thực hiện ghi nhận cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã khởi tạo văn bản điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan đã tham gia xử lý văn bản điện tử và áp dụng một trong các biện pháp sau để xác thực cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi tạo văn bản điện tử và cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm liên quan tham gia xử lý văn bản điện tử: xác thực bằng chứng thư số, xác thực bằng sinh trắc học, xác thực từ hai yếu tố trở lên trong đó có yếu tố là mã xác thực dùng một lần hoặc mã xác thực ngẫu nhiên.

c) Biện pháp khác mà các bên tham gia giao dịch thống nhất lựa chọn, bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ, phù hợp với quy định của Luật giao dịch điện tử.

Điều 13. Về việc sử dụng chữ ký số đối với văn bản điện tử

1. Thẻ thức văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Văn bản điện tử khi được phát hành và giao dịch phải có đủ chữ ký số của cá nhân hoặc tổ chức có trách nhiệm ký văn bản điện tử theo quy định.

3. Đối với văn bản điện tử cần ký số và có giá trị như văn bản giấy được ký tay và không cần đóng dấu thì văn bản đó được xem là đáp ứng nếu được ký bởi chữ ký số của cá nhân.

4. Đối với văn bản điện tử cần ký số và có giá trị như văn bản giấy được ký tay và đóng dấu thì văn bản đó được xem là đáp ứng nếu được ký bởi chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

5. Trong trường hợp văn bản điện tử chỉ có chữ ký số của người có thẩm quyền thì hệ thống thông tin quản lý văn bản điện tử phải có khả năng nhận biết và xác thực việc đã xử lý của người có trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong quá trình xử lý văn bản điện tử đến người ký cuối cùng.

Điều 14. Tạo lập, xử lý, quản lý văn bản điện tử

Việc tạo lập, phát hành, giao nộp, gửi, nhận, lưu trữ, thu hồi, huỷ văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 15. Chuyển từ văn bản giấy sang văn bản điện tử

1. Phương thức chuyển đổi từ văn bản giấy sang văn bản điện tử:

a) Văn bản giấy được chuyển thành điện tử bằng hình thức sao chụp và chuyển thành tệp tin trên hệ thống thông tin, hoặc

b) Nội dung của chứng từ giấy được chuyển thành dữ liệu để lưu vào hệ thống thông tin.

c) Trên thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc hình thức mã hóa khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu và sử dụng thông tin bằng phương tiện điện tử.

2. Văn bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phản ánh đầy đủ nội dung của văn bản giấy;

b) Cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức thực hiện (hoặc chịu trách nhiệm về) việc chuyển đổi văn bản giấy thành văn bản điện tử hoặc ký số trên văn bản điện tử sau khi được chuyển đổi từ chứng từ giấy hoặc được xác thực bằng một trong các biện pháp xác thực quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 của Văn bản này.

3. Chứng từ điện tử được chuyển đổi từ chứng từ giấy có giá trị như chứng từ giấy trừ trường hợp có quy định khác của Đảng.

Điều 16. Chuyển văn bản điện tử sang văn bản giấy

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng vai trò khởi tạo văn bản điện tử hoặc vai trò chủ quản hệ thống thông tin có thể in văn bản từ dữ liệu điện tử để lưu trữ, đối chiếu thông tin hoặc xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông tin về văn bản hoặc cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin trong phạm vi quy định của Đảng và Pháp luật nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu chủ quản hệ thống thông tin xác nhận việc thực hiện giao dịch điện tử dưới dạng giấy để xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông tin về văn bản hoặc cung cấp cho các cơ

quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin trong phạm vi quy định của Đảng và Pháp luật nhà nước. Việc yêu cầu và xác nhận này khi được thực hiện tại cơ quan của Đảng phải tuân thủ quy định, trình tự, thủ tục về cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Phản ánh đầy đủ, chính xác nội dung của chứng từ điện tử;
 - b) Có thông tin thể hiện văn bản đã được xử lý trên hệ thống thông tin và tên của hệ thống thông tin hoặc tên của chủ quản hệ thống thông tin;
 - c) Có mã định danh của văn bản điện tử để phục vụ việc tra cứu, xác minh thông tin hoặc có họ tên, chữ ký của người thực hiện chuyển đổi;
 - d) Có con dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi trong trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận giữa các bên giao dịch.
- đ) Tra cứu được tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian hệ thống thông tin hoạt động bình thường.

4. Trên văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc các hình thức mã hóa khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu bằng phương tiện điện tử đối với thông điệp dữ liệu tạo lập trên hệ thống thông tin.

5. Văn bản giấy được chuyển đổi từ văn bản điện tử có giá trị như văn bản điện tử trừ trường hợp có quy định khác của Đảng.

6. Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn xác định danh mục văn bản điện tử cần chuyển sang văn bản giấy và giá trị pháp lý của văn bản điện tử khi chuyển sang văn bản giấy.

Điều 17. Sửa đổi văn bản điện tử

1. Việc sửa đổi văn bản điện tử khi chưa được phê duyệt chính thức hoặc chưa được truyền đi để thực hiện giao dịch điện tử thực hiện theo quy trình quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi tạo văn bản hoặc chủ quản hệ thống thông tin.

2. Việc sửa đổi văn bản điện tử sau khi đã được phê duyệt chính thức hoặc sau khi đã được truyền đi để thực hiện giao dịch điện tử cần được thực hiện lại từ khâu khởi tạo và bảo đảm tuân thủ quy định riêng theo từng lĩnh vực của Đảng.

3. Hệ thống thông tin phải ghi nhận người thực hiện, thời điểm thực hiện, các thông tin khác liên quan đến việc sửa đổi văn bản điện tử.

Điều 18. Lưu trữ văn bản điện tử

Đáp ứng yêu cầu được đề cập tại khoản 3 Điều 26 của Quy định này.

Điều 19. Hủy hiệu lực của văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử bị hủy hiệu lực theo một trong các điều kiện sau:

a) Văn bản bị hủy theo quy trình, quy định của đơn vị khởi tạo, xử lý văn bản điện tử trên cơ sở tuân thủ các quy định theo từng lĩnh vực của Đảng.

b) Văn bản bị hủy trên cơ sở đồng ý và xác nhận của các bên tham gia giao dịch. Xác nhận này được thể hiện bằng một trong các cách sau: Văn bản có chữ ký của các bên tham gia giao dịch hoặc đại diện được ủy quyền của các bên tham gia giao dịch (nếu là văn bản điện tử thì áp dụng quy định về giá trị pháp lý theo Điều 12 của Quy định này); đề nghị hủy văn bản của một bên tham gia giao dịch và chấp nhận đề nghị hủy văn bản của (các) bên còn lại bằng hình thức thư điện tử hoặc thông điệp dữ liệu được tạo trên cùng hệ thống thông tin khởi tạo hoặc lưu trữ văn bản điện tử, được xác thực bằng một trong các biện pháp được chấp nhận áp dụng cho văn bản điện tử quy định tại Điều 12 của Quy định này.

2. Văn bản điện tử đã hủy hiệu lực phải được đánh dấu, ghi nhận thời điểm, người thực hiện hủy hiệu lực trên hệ thống thông tin và thông báo tới các bên liên quan.

3. Văn bản điện tử đã hủy hiệu lực phải được lưu trữ phục vụ việc tra cứu của các cơ quan Đảng có thẩm quyền theo thời hạn lưu trữ quy định theo từng lĩnh vực của Đảng.

4. Thời điểm văn bản điện tử bị hủy hiệu lực thì đồng thời văn bản giấy đã chuyển đổi từ văn bản điện tử này (nếu có) cũng bị mất hiệu lực và không còn giá trị sử dụng.

Điều 20. Tiêu hủy văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử, văn bản giấy chuyển đổi từ văn bản điện tử đã hết thời hạn lưu trữ theo quy định nếu không có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thì được phép tiêu hủy.

2. Việc tiêu hủy văn bản điện tử không được làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các văn bản điện tử chưa tiêu hủy và phải bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống thông tin.

3. Hệ thống thông tin phải ghi nhận việc tiêu hủy văn bản điện tử dưới dạng danh mục kèm thông tin về thời điểm và người thực hiện tiêu hủy văn bản điện tử, lưu trữ danh mục này trên hệ thống, sẵn sàng cho việc tra cứu khi cần thiết.

Điều 21. Niêm phong văn bản điện tử

1. Thẩm quyền niêm phong văn bản điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về niêm phong tài liệu, vật chứng phục vụ quá trình kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

2. Việc niêm phong văn bản điện tử phải bảo đảm:

a) Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống thông tin và các tác nghiệp của tổ chức, cá nhân;

b) Có thể khôi phục toàn vẹn văn bản điện tử bị niêm phong tại hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân sau thời hạn niêm phong;

c) Xác định được việc truy cập, thay đổi nội dung của chứng từ điện tử bị niêm phong.

d) Hệ thống thông tin phải đánh dấu văn bản điện tử bị niêm phong và ghi nhận thời điểm, người thực hiện niêm phong văn bản điện tử.

3. Sau khi Cơ quan có thẩm quyền quyết định và thực hiện các biện pháp niêm phong thì tổ chức, cá nhân không được phép truy cập, khai thác, sao chép, sửa đổi hoặc sử dụng văn bản điện tử này trong hệ thống thông tin của mình để giao dịch hoặc sử dụng cho mục đích khác.

Điều 22. Sử dụng hệ thống thông tin điện tử

1. Văn bản điện tử được phép gửi, nhận, xử lý, lưu trữ giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân với hệ thống thông tin điện tử hoặc giữa các hệ thống thông tin điện tử với nhau theo quy định. Đối với văn bản điện tử có yếu tố Mật, phải đáp ứng yêu cầu tích hợp giải pháp Cơ yếu khi đưa lên môi trường điện tử và trong quá trình thực hiện gửi, nhận, xử lý và lưu trữ văn bản.

2. Văn phòng Trung ương Đảng và các ban Trung ương Đảng hướng dẫn việc quản lý, gửi, nhận, xử lý, lưu trữ văn bản điện tử trong các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc thẩm quyền.

IV- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐẢNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 23. Thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử

1. Đảng viên tham gia các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2. Quy trình thực hiện theo hướng dẫn quy định của Đảng và pháp luật nhà nước về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban Trung ương Đảng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử theo thẩm quyền.

Điều 24. Định danh và xác thực khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử

Các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử phải được định danh và xác thực bằng một trong các biện pháp xác thực quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 12 của Quy định này.

V – KHO LƯU TRỮ SỐ VÀ LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ

Điều 25. Kho lưu trữ số

1. Các cơ quan đảng có trách nhiệm thiết lập và duy trì kho lưu trữ số chuyên dụng, đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Có hạ tầng kỹ thuật độc lập, ổn định và bảo mật cao.
b) Bảo đảm khả năng lưu trữ dài hạn, truy xuất chính xác, ngăn chặn can thiệp trái phép.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia về lưu trữ điện tử và bảo mật dữ liệu.

2. Kho lưu trữ số phải:

a) Cho phép truy cập phân quyền.

b) Ghi nhận đầy đủ lịch sử khai thác, chỉnh sửa, truy xuất tài liệu.

c) Tự động sao lưu định kỳ và có phương án phục hồi sau sự cố.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì ban hành hướng dẫn kỹ thuật về mô hình và tiêu chuẩn vận hành kho lưu trữ số.

Điều 26. Lưu trữ điện tử

1. Việc lưu trữ điện tử tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật lưu trữ của Nhà nước.

2. Về thời hạn lưu trữ tài liệu điện tử, được phân loại theo nguyên tắc:

a) Lưu trữ vĩnh viễn: đối với tài liệu có giá trị lịch sử, pháp lý, hoặc được xác định là nguồn sử liệu quan trọng.

b) Lưu trữ có thời hạn: từ 2 năm đến 70 năm, tùy theo mức độ quan trọng, tần suất khai thác và quy định của Đảng.

Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn cụ thể danh mục tài liệu theo phân loại trên.

3. Đối với văn bản điện tử, cơ quan, đơn vị thực hiện lưu trữ phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật giao dịch điện tử.

4. Công tác lưu trữ dữ liệu, hồ sơ dưới hình thức điện tử có yếu tố Mật cần tích hợp giải pháp bảo mật của Cơ yếu khi đưa lên môi trường điện tử.

Điều 27. Khai thác, sử dụng và bảo mật tài liệu lưu trữ điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ được khai thác tài liệu lưu trữ số theo phạm vi quyền hạn được phân công và quy định về bảo mật thông tin của Đảng.

2. Hệ thống lưu trữ điện tử phải ghi nhận các thao tác truy cập, chỉnh sửa, sao lưu và khai thác tài liệu của từng người dùng.

3. Việc cung cấp thông tin tài liệu lưu trữ điện tử ra bên ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

VI - GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Điều 28. Giao dịch điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử

1. Việc trao đổi thông tin dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử nội bộ trong các cơ quan Đảng được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của cơ quan đảng.

2. Việc trao đổi thông tin dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin điện tử của Đảng với các Cơ sở dữ liệu Quốc gia, hệ thống thông tin bên ngoài tuân thủ theo Khung Kiến trúc tổng thể Quốc gia số và Kiến trúc thống nhất trong các cơ quan đảng hiện hành; phù hợp với định hướng chuyển đổi số Quốc gia.

Điều 29. Giao dịch điện tử tự động

1. Giao dịch điện tử tự động là giao dịch được thực hiện toàn bộ hoặc một phần bởi hệ thống thông tin đã được cấu hình trước mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người tại thời điểm diễn ra giao dịch.

2. Các hệ thống thực hiện giao dịch tự động phải đáp ứng:

- a) Có cơ chế kiểm soát quy trình, phát hiện và ngăn ngừa lỗi hệ thống.
- b) Ghi nhận đầy đủ nhật ký hệ thống, bao gồm nội dung giao dịch, thời điểm, người chịu trách nhiệm kiểm duyệt.
- c Được kiểm tra, đánh giá bảo mật và an toàn định kỳ.

3. Trường hợp giao dịch tự động gây ra sai lệch thông tin, cơ quan chủ quản hệ thống chịu trách nhiệm khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 30. Sử dụng chữ ký số đối với giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử phải sử dụng chữ ký số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ cấp để xác thực văn bản điện tử và các giao dịch, tác nghiệp liên quan.

2. Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Trung ương Đảng hướng dẫn danh mục giao dịch điện tử bắt buộc phải sử dụng chữ ký số theo thẩm quyền.

Điều 31. Bảo đảm an toàn, bảo mật

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, định kỳ kiểm tra, rà soát, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin điện tử của mình; chịu sự quản lý, giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục, an toàn, kịp thời khắc phục sự cố (nếu có) của hệ thống thông tin điện tử khi tiến hành giao dịch điện tử.

2. Ban Cơ yếu Chính phủ bảo đảm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, bảo mật thông tin; phối hợp tổ chức giám sát an toàn thông tin trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chi tiết yêu cầu, giải pháp kỹ thuật và tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật trong giao dịch điện tử; bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục, an toàn của hệ thống chứng thực chữ ký số và các hệ thống thông tin điện tử khác trên mạng thông tin diện rộng của Đảng.

VII - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức

1. Các Đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, cơ quan đảng ở Trung ương, tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phối hợp với các cơ quan liên quan có biện pháp quản lý, bảo đảm kỹ thuật, an toàn an ninh thông tin cho việc thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

2. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các Ban Trung ương Đảng và các cơ quan nhà nước liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, nắm tình hình, kiểm tra việc triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi Quy định khi cần thiết.

3. Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai các giải pháp cơ yếu trên môi trường điện tử trong giao dịch điện tử của các cơ quan đảng để xác thực, bảo mật thông tin, dữ liệu theo quy định.

Điều 33. Trách nhiệm của cá nhân

Cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng có trách nhiệm: Bảo mật thông tin; quản lý, sử dụng, bảo mật chữ ký số của mình theo quy định; sử dụng giao dịch điện tử, các hệ thống thông tin điện tử đúng thẩm quyền.

Mọi vi phạm các điều, khoản trong Quy định này, tùy theo mức độ đều bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Điều 34. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Các cơ quan ở Trung ương,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Ban Cơ yếu Chính phủ,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Cẩm Tú